

**CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT
NGÀY 03 THÁNG 6 NĂM 2024 CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

I. THÔNG TIN CHUNG.

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Thị trấn Nam Sách.

2. Địa chỉ, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử:

+ Địa chỉ: Đường Thanh Lâm, khu Hoàng Hanh, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

+ Địa chỉ thư điện tử: <http://ns-mnnamsach.haiduong.edu.vn/>

+ Cổng thông tin điện tử: <http://ns-mnnamsach.haiduong.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp:

+ Loại hình: Trường mầm non công lập

+ Cơ quan quản lý: UBND Huyện Nam Sách.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

+ **Sứ mạng:**

- Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, hạnh phúc, có kỷ cương, có chất lượng chăm sóc giáo dục cao để trẻ em được phát triển toàn diện.

+ **Tầm nhìn:**

- Xây dựng trường khang trang, Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đáp ứng điều kiện dạy và học trong giai đoạn mới.

- Không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, bồi dưỡng kỹ năng năng vầy trí phần đầu cho CBGV,NV. Giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3.

- Phần đầu xây dựng môi trường giáo dục đáng tin cậy, có chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tốt, tạo sự uy tín và niềm tin đối với lãnh đạo, phụ huynh và nhân dân địa phương.

+ **Mục tiêu:**

Xây dựng môi trường giáo dục theo các phương pháp tiên tiến trên thế giwos, đề cao kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ của trẻ.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hòa nhập.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

Nâng cao chất lượng chuyển đổi số trong công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

5. Quá trình hình thành và phát triển

Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 1477/QĐ-UB, ngày 31/12/2003 chuyển đổi trường mầm non Thị trấn Nam Sách thành trường mầm non bán công Thị trấn Nam Sách. Đến ngày 10/6/2008 theo Quyết định số 4224/QĐ-UBND, ngày 10/6/2008 đổi tên trường mầm non bán công Thị trấn Nam Sách thành trường mầm non Thị trấn Nam Sách. Ngày 14/8/2018 theo Quyết định số 3301/QĐ-UBND về việc sáp nhập trường mầm non Hương Bưởi và trường mầm non Thị trấn Nam Sách thành Trường mầm non Thị trấn Nam Sách cho đến nay.

Trường có 1 điểm trường được đặt tại trung tâm thị trấn Nam Sách, trên 65 năm thành lập và phát triển trường có nhiều đóng góp, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương, của ngành giáo dục trong huyện. Nhiều năm trường đạt tập thể Lao động xuất sắc được nhận Bằng khen của Chính phủ; Bằng khen của Bộ GDĐT; Bằng khen của UBND tỉnh; Cờ thi đua xuất sắc.

Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2 tháng 11/2010 theo Quyết định số 3043/QĐ-UBND, ngày 10/11/2010 của UBND tỉnh Hải Dương công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; Quyết định số 3182a/QĐ-UBND, ngày 08/12/2015 của UBND tỉnh Hải Dương công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; Quyết định số 2432/QĐ-UBND, ngày 19/08/2020 của UBND tỉnh Hải Dương công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; Quyết định số 866/QĐ-SGDĐT, ngày 14/05/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 Theo Quyết định số 2047/QĐ-UBND, ngày 15/8/2014; Quyết định số 216/QĐ-SGD&ĐT, ngày 18/3/2015 đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3; Quyết định số 865/QĐ-SGDĐT, ngày 14/5/2025 đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3;

Nhiều năm liền Chi ủy, Chi bộ được Đảng ủy Thị trấn Nam Sách tặng Giấy khen “ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; Tập thể Công đoàn, Chi đoàn thanh niên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong nhiều năm được nhận Giấy khen của các cấp.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo chỉ tiêu, cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, năng lực nhiệt tình, năng động trong công tác, có kinh nghiệm quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Hàng năm nhà trường có giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp huyện, nhiều năm có giáo viên giỏi cấp tỉnh. Tỷ lệ

sáng kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt cấp huyện cao, có sáng kiến đạt cấp tỉnh.

Trường mầm non Thị trấn Nam Sách luôn phát huy kết quả đã đạt được, phấn đấu những năm học tiếp theo Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

6. Thông tin đại diện pháp luật

+ Họ tên: Nguyễn Thị My

+ Chức vụ: Hiệu trưởng

+ Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non TT Nam Sách- Nam Sách -HD

+ Số Điện thoại: 0977.576.158

+ Địa chỉ thư điện tử: mymnthaitan@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập của cơ sở giáo dục:

Quyết định Số 4224/QĐ-UBND về việc đổi tên trường Mầm non bán công thị trấn Nam Sách, thành trường Mầm non thị trấn Nam Sách kể từ ngày 10/6/2008; Quyết định số 3301/QĐ-UBND về việc sáp nhập trường mầm non Hương Bưởi và trường mầm non Thị trấn Nam Sách thành Trường mầm non Thị trấn Nam Sách

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

+ Quyết định Số 2592/QĐ-UBND huyện Nam Sách ngày 23/09/2024 nhiệm kỳ 2024-2029.

+ Chủ tịch hội đồng trường: Bà Nguyễn Thị My.

+ Danh sách thành viên hội đồng trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị My	Hiệu Trưởng	
2	Lê Thị Liên	Phó hiệu trưởng	
3	Trần Thị Thu	Phó hiệu trưởng	
4	Hoàng Thị Quỳnh	Tổ trưởng chuyên môn	
5	Nguyễn Thị Luận	Tổ trưởng chuyên môn	
6	Vũ Thị Chuyền	Tổ trưởng chuyên môn	
7	Vì Thị Chiến	Tổ trưởng chuyên môn	
8	Hoàng Thị Thu Hằng	Tổ trưởng văn phòng	
9	Trần Thị Huế	Chủ tịch công đoàn	
10	Nguyễn Thị Khuê	Thanh tra nhân dân	
11	Lưu Thị Vân	BT đoàn thanh niên	

12	Phạm Quang Việt	Phó Chủ tịch UBNDTTNS	
13	Phạm Thành Nam	Ban đại diện CMHS	

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng cơ sở giáo dục:

- Quyết định bổ nhiệm số 4906/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND huyện Nam Sách về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng trường mầm non TT Nam Sách đồng chí Nguyễn Thị My; Quyết định bổ nhiệm số 2053/QĐ-UBND ngày 08/09/2023 của UBND huyện Nam Sách về việc bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường mầm non TT Nam Sách đồng chí Lê Thị Liên; Quyết định bổ nhiệm số 273/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND huyện Nam Sách về việc bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường mầm non TT Nam Sách đồng chí Trần Thị Thu.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Nhà trường xây dựng quy chế hoạt động trong năm học với các nội dung phù hợp, cụ thể.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

ST T	Họ và Tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử
1	Nguyễn Thị My	Hiệu Trưởng	0977.576.158	mymnthaitan@gmail.com
2	Lê Thị Liên	P. hiệu trưởng	0943.676.266	
3	Trần Thị Thu	P. hiệu trưởng	0928.876.668	

II. THU, CHI TÀI CHÍNH (Trong năm tài chính trước và năm liền kề thời điểm báo cáo)

STT	Nội dung	Năm 2023		Năm 2024	
		Thu	Chi	Thu	Chi
1	Các khoản thu phân theo: nguồn kinh phí (Ngân sách nhà nước, hỗ trợ các nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học...)	6.755.952.200	6.755.952.200	9.481.709.000	
	- Chi tiền lương và thu nhập...		5.177.278.200		8.346.755.300
	- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		1.313.649.800		901.694.700
	- Chi hỗ trợ người học		0		0

	- Chi khác		265.024.200		233.259.000
2	Các khoản thu và mức thu đối với người học				
	Học phí: Nhà trẻ: 125.000đ/tháng; MG 3+4 tuổi: 105.000đ/tháng	912.550.300	852.825.300	587.892.000	563.787.900
	Học thêm hè: 40.000đ/cháu/giờ	491.120.000	491.120.000	537.720.000	537.720.000
	Tiền ăn: 20.000đ/cháu/ngày	1.990.258.000	1.990.258.000	1.993.832.000	1.993.796.500
	Chăm sóc phục vụ bán trú: 240.000đ/cháu/tháng	1.049.514.000	1.049.514.000	1.398.520.000	1.264.599.600
	Phụ phí chất đốt, tẩy rửa...65.000đ/tháng	495.703.200	495.703.200	398.019.500	397.037.200
	Vệ sinh trường, lớp: 20.000đ/cháu/tháng	59.214.000	59.214.000	123.147.000	123.147.000
	Tiền bổ sung đồ dùng bán trú: 200.000đ/cháu/khóa học	35.285.300	35.285.300	19.600.000	17.800.000
	Tiền nước uống: 7.000đ/cháu/tháng	22.228.500	22.205.600	27.619.800	27.619.800
	Tiền đồ dùng, đồ chơi, học liệu: Trẻ 5T: 250.000đ/cháu/năm học; Trẻ 3T+4T: 200.000đ/cháu/năm học; Trẻ nhà trẻ: 175.000đ/cháu/năm học	165.033.500	165.033.500	0	0
	Tiền điện điều hòa: thu theo thực tế	59.389.000	59.389.000	53.274.500	53.274.500
3	Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp, miễn giảm, học phí	20.270.000	20.270.000	23.285.000	23.285.000
4	Số quỹ dư theo quy định, kể cả quỹ đặc thù	59.747.900		220.567.300	

III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GDMN

1. Thông tin về đội ngũ CBGVNV

a) Số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ				
			TS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số CBGVNV	61	0	50	4	1	6
I	CBQL	3	0	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0

2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	0	0	0
II	Giáo viên	50	0	46	0	0	0
1	Nhà trẻ	12	0	12	0	0	0
2	Mẫu giáo	38	0	34	4	0	0
III	Nhân viên	8	0	1	0	0	0
1	Kế toán	1	0	1	0	0	0
2	Y tế	1	0	0	0	1	0
3	Bảo vệ	1	0	0	0	0	1
4	NV nuôi dưỡng	5	0	0	0	0	5

b) Số lượng, tỷ lệ CBGV đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	36/50	40/50
	Tỷ lệ	72%	80%

b) Số lượng, tỷ lệ CBGVNV hoàn thành bồi dưỡng hàng năm

STT	Nội dung	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	50	50
	Tỷ lệ	100%	100%
3	Nhân viên		
	Số lượng	8	8
	Tỷ lệ	100%	100%

2. Thông tin về cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

STT	Nội dung	Số lượng	DT bình quân/trẻ	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
	Diện tích	7.940m ²	12.25m ² /trẻ em	12 m ² /trẻ em
	Điểm trường	1	-	-

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

STT	Nội dung	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Khối phòng hành chính quản trị	11	
1	Phòng Hiệu trưởng:	1	1
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	2	2
3	Văn phòng trường	2	1
4	Phòng dành cho nhân viên:	1	1
5	Phòng bảo vệ:	1	1
6	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	2	1
7	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên:	2	1
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em	25	
1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	25	
2	Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật	2	2
3	Sân chơi riêng: lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định.	2	1
4	Phòng tin học	1	1
III	Khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật	8	
1	Phòng họp	1	1
2	Phòng Y tế	1	1
3	Nhà kho	1	1
4	Sân vườn	3	1

5	Cổng, hàng rào	2	1
---	----------------	---	---

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

STT	Nội dung	Số lượng bộ/nhóm lớp	Yêu cầu tối thiểu theo quy định bộ/nhóm lớp
I	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định		
1	Dành cho nhóm Nhà trẻ	65	90
2	Dành cho lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	80	104
3	Dành cho lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	85	126
4	Dành cho lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	90	124

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

STT	Nội dung	Số lượng (bộ)
I	Đồ chơi ngoài trời	11
1	Cầu trượt	3
2	Bộ đồ chơi liên hoàn	1
3	Đu quay	1
4	Ổng chui	4
5	Thang leo	1
6	Cầu đi có tay vịn	1
II	Một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác	80
1	Điều hòa	50
2	Bình nóng lạnh	25
3	Tủ nấu cơm	1
4	Tủ sấy bát	2
5	Nồi điện nấu cháo	1
6	Bếp ga đôi công nghiệp	1

3. Thông tin về kết quả đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá: Trường MN Thị trấn Nam Sách tự đánh giá kiểm định chất lượng GD mức độ 3; Đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá (Kế hoạch số 45/KH-MNTTNS, ngày 02/11/2021).

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

- Quyết định số 3043/QĐ-UBND, ngày 10/11/2010 của UBND tỉnh Hải Dương công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; Quyết định số 3182a/QĐ-UBND, ngày 08/12/2015 của UBND tỉnh Hải Dương công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; Quyết định số 2432/QĐ-UBND, ngày 19/08/2020 của UBND tỉnh Hải Dương công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; Quyết định số 866/QĐ-SGDĐT, ngày 14/05/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 Theo Quyết định số 2047/QĐ-UBND, ngày 15/8/2014; Quyết định số 216/QĐ-SGD&ĐT, ngày 18/3/2015 đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3; Quyết định số 865/QĐ-SGDĐT, ngày 14/5/2025 đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3;

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài (Kế hoạch số 38/KH-MNTTNS, ngày 05/01/2025).

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025. Theo đó:

* **Đối tượng tuyển sinh:**

- Trẻ từ 12 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi

* **Chỉ tiêu tuyển sinh:**

- Số nhóm, lớp: 25 trong đó:

+ 20 lớp Mẫu giáo:

7 lớp 3 tuổi: 141 trẻ. Kết quả được: 141 Trẻ

7 lớp 4 tuổi: 182 trẻ. Kết quả được: 182 Trẻ

6 lớp 5 tuổi: 178 trẻ. Kết quả được: 178 Trẻ

+ 5 nhóm Nhà trẻ: 299 trẻ. Kết quả được: 147 Trẻ

*** Phương thức tuyển sinh:**

- Tuyển sinh trực tiếp tại trường vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần, gặp cô Trần Thị Thu - Phó chủ tịch HĐ tuyển sinh, tại phòng Phó hiệu trưởng, điện thoại: 0928.876.668.

*** Thời gian tuyển sinh :**

- Từ ngày 15/08/2024 đến ngày 31/8/2024. Ngoài thời gian trên, nhà trường vẫn tiếp tục nhận hồ sơ khi phụ huynh có nhu cầu cho con đi học.

- Yêu cầu trực tiếp bố hoặc mẹ các con đến làm thủ tục để điền các thông tin cần thiết vào hồ sơ. **b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.**

- Nhà trường xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo chương trình của Bộ giáo dục và đào tạo, phù hợp với tình hình thực tế của trẻ, của trường lớp và của địa phương (có kế hoạch)

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội.

- Nhà trường xây dựng quy chế phối hợp với Hội cha mẹ học sinh nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non. giúp tăng cường sự minh bạch trong các hoạt động giáo dục, tạo điều kiện cho phụ huynh nắm rõ quá trình học tập và phát triển của con em mình. Đồng thời, nhà trường và gia đình sẽ có cơ hội hợp tác chặt chẽ hơn, cùng nhau chăm sóc và giáo dục trẻ.

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em.

Nhà trường xây dựng thực đơn đảm bảo đủ các chất dinh dưỡng. Thực đơn thay đổi theo tuần, theo mùa giúp trẻ ăn ngon miệng, hết suất, hấp thu được các chất dinh dưỡng giúp trẻ lớn lên và phát triển khỏe mạnh. Nhà trường xây dựng thực thực đơn mùa hè năm học 2024-2025 như sau:

BẢNG THỰC ĐƠN MÙA HÈ NĂM HỌC 2023-2024

TUẦN 1 + 3

Bữa		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Bữa trưa	Mẫu giáo + Nhà trẻ	- Cơm tẻ - Thịt, đậu sốt cà chua - Canh khoai sọ nấu xương	- Cơm tẻ - Tôm rim thịt - Canh tép rau đay, mồng toi	- Cơm tẻ - Thịt gà rim - Canh bí xanh nấu xương gà	- Cơm tẻ - Trứng rán thịt - Canh xương rau cải - Dưa hấu (tráng miệng)	- Cơm tẻ - Thịt ngan rim - Canh bí đỏ nấu xương ngan
Bữa	Mẫu giáo				- Mì nấu	

phụ		- Sữa bột+ bánh mì	- Cháo tôm nấu rau củ	- Mì gà	thịt	- Chè đỗ đen+Bí đỏ
	Nhà Trẻ	- Sữa bột	- Nước cam	- Chuối tây	- Nước cam	- Chè đỗ đen+Bí đỏ
Bữa xế	Nhà trẻ	- Mì nấu thịt	- Cháo tôm nấu rau củ	- Mì gà	- Mì nấu thịt	- Bún thịt ngan

BẢNG THỰC ĐƠN MÙA HÈ NĂM HỌC 2023-2024
TUẦN 2 + 4

Bữa		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Bữa trưa	Mẫu giáo + Nhà trẻ	- Cơm - Thịt rim đậu - Canh khoai tây nấu xương - Thanh Long (tráng miệng)	- Cơm tẻ - Thịt trắng trứng - Canh cá rau cải	- Cơm tẻ - Thịt bò sốt vang - Canh cua rau đay mồng toi	- Cơm tẻ - Thịt rim tôm - Canh bí xanh nấu xương	- Cơm tẻ - Thịt gà rim - Canh hến nấu mồng toi
Bữa phụ	Mẫu giáo	- Mì nấu thịt	- Cháo chim bồ câu đậu xanh	- Mì nấu thịt	- Sữa bột+ bánh mì	- Cháo gà
	Nhà Trẻ	- Thanh Long	- Nước cam	- Chuối tây	- Sữa bột	- Dưa hấu
Bữa xế	Nhà trẻ	- Mì nấu thịt	- Cháo chim bồ câu đậu xanh	- Mì nấu thịt	- Cháo thịt băm	- Cháo gà

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định: Không có

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép).

+ Tổng số trẻ em: 648 trẻ

+ Tổng số nhóm, lớp: 25. Trong đó: 20 lớp mẫu giáo và 5 nhóm nhà trẻ.

+ Số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp: 25,92 trẻ.

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có): Không có

c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 648 trẻ

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 648 trẻ

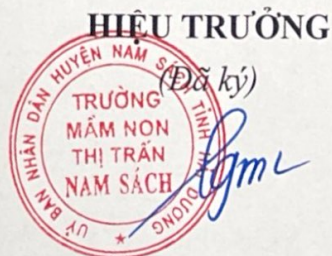
đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 648 trẻ

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi: Trường đạt phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 05 tuổi.

g) Số trẻ em khuyết tật: 0 trẻ

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học (chia theo số lượng trẻ em là người Việt Nam và số lượng trẻ em là người nước ngoài): Không.

Thị trấn Nam sách ngày 15 tháng 6 năm 2024



Nguyễn Thị Mỹ